

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Nguyễn Huỳnh Phước Thiên* và Lê Thị Nhã Ca
Trường Đại học Tây Đô
(*Email: nhpthien@tdu.edu.vn)

Ngày nhận: 01/6/2022

Ngày phản biện: 22/8/2022

Ngày duyệt đăng: 20/9/2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát 200 sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư đang học tại Trường. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp hồi quy bội được sử dụng để thực hiện. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 5 nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô là: Chương trình đào tạo, Chuẩn mực chủ quan, Cơ hội nghề nghiệp, Thái độ đối với học cao học và Nhận thức về kiểm soát hành vi. Trong đó, Chương trình đào tạo là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất một số hàm ý quản trị cho nhà trường có thể áp dụng nhằm thu hút sinh viên tiếp tục lựa chọn Trường Đại học Tây Đô để học cao học sau khi tốt nghiệp đại học.

Từ khóa: Quản trị kinh doanh, sinh viên, thạc sĩ, ý định

Trích dẫn: Nguyễn Huỳnh Phước Thiên và Lê Thị Nhã Ca, 2022. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 16: 74-85.

*TS. Nguyễn Huỳnh Phước Thiên - Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tây Đô

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới hiện nay, mỗi người phải không ngừng cập nhật kiến thức mới, trau dồi kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực bản thân. Do đó, nhu cầu học tập nâng cao trình độ ngày càng gia tăng, nhất là nhu cầu tiếp tục học sau đại học. Ý định về việc tiếp tục học ở trình độ cao hơn của mỗi người có thể được hình thành ngay từ khi còn đang học ở bậc học hiện tại và đó cũng là động lực để họ thực hiện hành vi trong tương lai. Nghiên cứu về khía cạnh ý định của hành vi đã có rất nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, điển hình là đóng góp của Ajzen and Fishbein (1975) với lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA), khẳng định ý định hành vi phụ thuộc vào Thái độ đối với hành vi và Chuẩn mực chủ quan. Sau đó, Ajzen (1991) đã bổ sung thêm thang đo Nhận thức về kiểm soát hành vi và phát triển thành mô hình hành vi có hoạch định (Theory of Planned Behavior - TPB). Mô hình TPB đã được sử dụng trong nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực khác nhau về ý định hành vi. Trong lĩnh vực giáo dục, một số tác giả đã vận dụng khung lý thuyết này để nghiên cứu về ý định học cao học của sinh viên sau khi tốt nghiệp, điển hình như các nghiên cứu ở nước ngoài (Haur, 2009; Ng et al., 2011; Chong et al., 2014) và các nghiên cứu trong nước (Hồ Trúc Vi và Phan Trọng Nhân, 2017; Phạm Xuân Giang và Nguyễn Thị Phương Thảo, 2019; Đoàn Liêng Diễm và cộng sự, 2021).

Trường Đại học Tây Đô được thành lập theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg

ngày 09/03/2006 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học tư thục đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu Long, đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Sau hơn 16 năm thành lập và phát triển, Trường Đại học Tây Đô đã trở thành địa chỉ tin cậy thu hút đông đảo học viên, sinh viên tham gia học tập. Với số lượng sinh viên rất lớn đang theo học tại Trường, đây sẽ là khách hàng mục tiêu cho các chương trình đào tạo sau đại học. Vì vậy, việc nghiên cứu ý định vẫn tiếp tục lựa chọn Trường Đại học Tây Đô là nơi theo học cao học của nhóm khách hàng này rất cần thiết giúp cho nhà trường có nhiều thông tin trong việc tiếp tục phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các chính sách phát triển đào tạo và thu hút người học sau khi tốt nghiệp.

Hiện tại, Trường Đại học Tây Đô đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Luật Kinh tế, Dược lý - Dược lâm sàng. Bài viết này tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô với nhóm đối tượng là sinh viên đang học năm thứ ba và năm thứ tư tại Trường.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Ajzen and Fishbein (1975) đã đưa ra Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) nhằm dự đoán

và hiểu về hành vi của một cá nhân. Nhóm tác giả cho rằng, hành vi của con người được quyết định bởi ý định thực hiện hành vi đó. Ý định thực hiện hành vi bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố: Thái độ đối với hành vi, đó là mức độ mà một người đánh giá một hành vi là tích cực hoặc tiêu cực; và Chuẩn mực chủ quan, đó là nhận thức của một người về những sức ép xã hội khiến người đó thực hiện hay không thực hiện các hành vi. Mô hình TRA có giới hạn là việc dự báo thực hiện các hành vi mà con người không kiểm soát được. Do đó, các yếu tố về Thái độ đối với hành vi và Chuẩn mực chủ quan của người đó không đủ giải thích cho hành động của họ.

Ajzen (1991) đã hoàn thiện mô hình TRA bằng cách thêm vào một biến nữa - Nhận thức về kiểm soát hành vi, đó là sự tự đánh giá của mỗi cá nhân về những khó khăn hay dễ dàng trong việc thực hiện một hành vi; và phát triển thành Mô hình hành vi có hoạch định (Theory of Planned Behavior - TPB). Mô hình TPB được xem như tối ưu hơn so với mô hình TRA trong việc dự đoán và giải thích hành vi của một cá nhân trong cùng một nội dung và hoàn cảnh nghiên cứu. Mô hình TPB đã trở thành nền tảng lý thuyết được áp dụng trong nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực khác nhau về ý định hành vi.

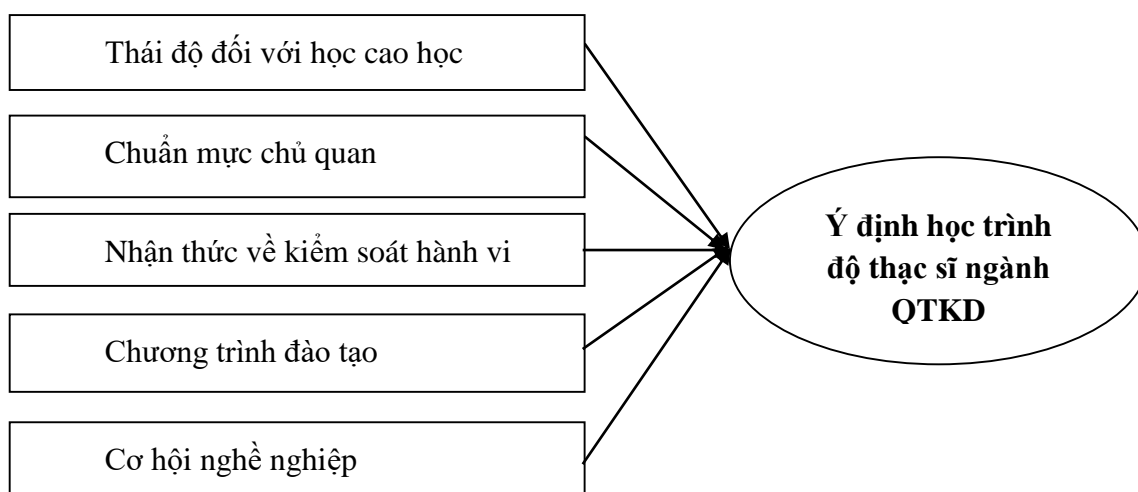
Trong lĩnh vực đào tạo, đã có một số công trình nghiên cứu về ý định học cao học của các tác giả trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trong nước điển hình như Hồ Trúc Vi và Phan Trọng Nhân (2017) đã chỉ ra bốn nhân tố ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí

Minh theo thứ tự quan trọng là: Nhận thức về kiểm soát hành vi, Trung thành thương hiệu, Thái độ đối với hành vi và Chuẩn mực chủ quan. Phạm Xuân Giang và Nguyễn Thị Phương Thảo (2019) đã xác định: Chuẩn mực chủ quan, Thái độ đối với học cao học, Danh tiếng của trường và Nhận thức về kiểm soát hành vi đều có ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên ngành Kinh tế tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn Liêng Diễm và cộng sự (2021) cho thấy ý định học cao học chuyên ngành Quản trị du lịch của sinh viên Khoa Du lịch, Trường Đại học Tài Chính - Marketing chịu ảnh hưởng bởi Thái độ đối với hành vi, Chuẩn mực chủ quan, Nhận thức về kiểm soát hành vi, Trung thành thương hiệu và Nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, những nghiên cứu ở nước ngoài tiêu biểu như Haur (2009) đã chỉ ra sáu nhân tố: Học phí, Chương trình đào tạo, Cơ sở vật chất của trường, Chất lượng chương trình học, Thông tin về trường và Ý kiến của những người ảnh hưởng đều có tác động đến ý định học lên cao hơn của sinh viên Malaysia. Sáu nhân tố ảnh hưởng đến ý định học lên tiến sĩ tại Malaysia: Cơ hội nghề nghiệp, Đặc điểm cá nhân, Công việc liên quan đến kiến thức, Hỗ trợ tài chính, Chương trình đào tạo và Hỗ trợ xã hội. Chong *et al.* (2014) đã xác định ba nhân tố ảnh hưởng đến ý định của sinh viên tiếp tục theo học chương trình cao hơn: Đặc điểm cá nhân, Cá nhân có ảnh hưởng quan trọng và Hỗ trợ tài chính.

Kế thừa mô hình TPB của Ajzen (1991) và thông qua lược khảo các công trình nghiên cứu liên quan đến ý định học

cao học, cũng như kết hợp thực hiện nghiên cứu sơ bộ, định tính và định lượng, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu chính thức gồm 5 nhân tố: Thái độ đối với học cao học, Chuẩn mực chủ quan, Nhận thức về kiểm soát hành vi, Chương trình đào tạo, Cơ hội nghề nghiệp; và thang đo chính thức với 18 biến quan sát thành phần thuộc 5 biến độc lập và 3 biến quan sát thành phần của biến phụ thuộc được

sử dụng cho nghiên cứu chính thức định lượng tiếp theo để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) tại Trường Đại học Tây Đô. Mô hình nghiên cứu thể hiện ở Hình 1 với năm giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 tương ứng với các nhân tố từ (1) đến (5) được kỳ vọng đều có ảnh hưởng tích cực đến ý định học trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu chính thức

(Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất, 2022)

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Về cỡ mẫu nghiên cứu, Hair *et al.* (2014) đề nghị trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) số quan sát nên gấp 5 đến 10 lần số biến quan sát; nghiên cứu sử dụng 21 biến quan sát nên cỡ mẫu nghiên cứu cần thiết phải đạt ít nhất $5 \times 21 = 105$ quan sát hoặc tốt hơn là $10 \times 21 = 210$ quan sát. Bên cạnh đó, Tabachnick and Fidell (2007) đề nghị trong phân tích hồi quy cỡ mẫu nghiên cứu phải thỏa điều kiện $n \geq 8m + 50$, trong đó m là số biến

độc lập trong mô hình hồi quy; nghiên cứu có 5 biến độc lập nên cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu là: $n \geq (8 \times 5) + 50 = 90$ quan sát. Thực tế, bài viết thực hiện khảo sát 200 sinh viên đang học năm thứ ba và năm thứ tư tại Trường Đại học Tây Đô, đảm bảo yêu cầu về cỡ mẫu nghiên cứu theo đề nghị của Tabachnick and Fidell (2007) và Hair *et al.* (2014). Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp thuận tiện. Thời gian thu thập số liệu sơ cấp được

tiến hành từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2022.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để diễn giải đặc điểm mẫu nghiên cứu dưới dạng phần trăm. Kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha nhằm loại các biến không phù hợp. Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA) và phân tích hồi quy bội để xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành QTKD tại Trường Đại học Tây Đô.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Kết quả khảo sát 200 sinh viên đang học năm thứ ba và năm thứ tư tại Trường

Đại học Tây Đô được thống kê ở Bảng 1 cho thấy, sinh viên có ý định lựa chọn học tiếp lên cao học ngành QTKD tại Trường Đại học Tây Đô tập trung chủ yếu ở khối ngành kinh tế (Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng), chiếm 97,5%; các ngành khác rất ít 2,5% (Luật Kinh tế, Du lịch, Ngôn ngữ Anh). Bên cạnh đó, mức đại diện của sinh viên trong mẫu nghiên cứu phân theo giới tính có sự chênh lệch đáng kể, trong khi sinh viên nữ chiếm đến 75,5% thì sinh viên nam chỉ chiếm 24,5%. Phần lớn sinh viên có ý định học trình độ thạc sĩ QTKD tại Trường Đại học Tây Đô tập trung chủ yếu ở năm thứ ba, chiếm 83%; trong khi đó tỷ lệ này ở sinh viên năm thứ tư là 17%.

Bảng 1. Thống kê mẫu quan sát

	Thông tin mẫu	Tần số (sinh viên)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	49	24,5
	Nữ	151	75,5
Ngành học	Quản trị kinh doanh	103	51,5
	Marketing	8	4,0
	Kinh doanh quốc tế	8	4,0
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	19	9,5
	Quản trị khách sạn	9	4,5
	Kế toán	36	18,0
	Tài chính - Ngân hàng	12	6,0
	Luật kinh tế	1	0,5
	Du lịch	1	0,5
	Ngôn ngữ Anh	3	1,5
Năm đang học	Năm thứ ba	166	83,0
	Năm thứ tư	34	17,0

(Nguồn: Kết quả phân tích từ 200 phiếu phỏng vấn sinh viên, 2022)

4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo ở Bảng 2 cho thấy, các thang đo đều

có hệ số Cronbach's Alpha trên 0,6; các biến quan sát đều đạt hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,3; và hệ số Cronbach's Alpha sẽ giảm nếu loại bất kỳ biến nào. Do đó, các biến đo lường này đều đảm bảo độ tin cậy và được sử dụng trong phân tích nhân tố tiếp theo.

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Nhân tố	Số biến quan sát	Hệ số tương quan biến - tổng nhỏ nhất	Hệ số Cronbach's Alpha
TD - Thái độ đối với học cao học	4	0,667	0,856
CQ - Chuẩn mực chủ quan	4	0,601	0,825
HV - Nhận thức về kiểm soát hành vi	4	0,458	0,744
DT - Chương trình đào tạo	3	0,628	0,822
NN - Cơ hội nghề nghiệp	3	0,664	0,840
YD - Ý định học thạc sĩ QTKD	3	0,521	0,748

(Nguồn: Kết quả phân tích từ 200 phiếu phỏng vấn sinh viên, 2022)

Kết quả phân tích EFA các biến độc lập

Kết quả phân tích EFA các biến độc lập ở Bảng 3 với các kiểm định được đảm bảo như sau: Hệ số $0,5 < KMO = 0,800 < 1,0$ nên phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế; Sig. = $0,00 < 0,05$, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện nên việc phân tích nhân tố đã có ý nghĩa; Phương sai cộng dồn là $69,281\% > 50\%$, đạt yêu

cầu, có nghĩa là 69,281% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát. Bên cạnh đó, kết quả phân tích EFA có 5 Eigenvalues đầu tiên lớn hơn 1 nên có 5 nhân tố được chọn trong nghiên cứu và các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 nên đạt yêu cầu. Bảng 3 cũng cho thấy, không có sự thay đổi về việc gom nhóm các biến quan sát so với mô hình nghiên cứu đã đề xuất, gồm 5 nhóm nhân tố độc lập với 18 biến quan sát.

Bảng 3. Ma trận nhân tố sau khi xoay

Biến	Diễn giải	Nhân tố				
		1	2	3	4	5
TD1	Việc học cao học là xứng đáng với số tiền tôi bỏ ra	0,828				
TD2	Việc học cao học đã được tôi hướng đến từ trước	0,764				
TD3	Việc học cao học đem đến cho tôi rất nhiều lợi ích	0,836				
TD4	Việc học cao học là sự lựa chọn tốt nhất đối với tôi	0,848				
CQ1	Gia đình động viên và khuyến khích tôi học cao học		0,754			
CQ2	Thầy/Cô khuyên và tư vấn cho tôi học cao học		0,715			
CQ3	Tôi lựa chọn học cao học sau khi được nhiều người ủng hộ và tư vấn		0,751			
CQ4	Tôi lựa chọn học cao học khi thấy nhiều người khác cũng học cao học		0,823			
HV1	Tôi nhận thấy có nhiều điều kiện thuận lợi học cao học			0,632		
HV2	Tôi tự tin vào năng lực của bản thân để học cao học			0,764		
HV3	Tôi thường xuyên trau dồi kiến thức để có thể thành công trong việc học cao học			0,757		
HV4	Tôi có đầy đủ thông tin cần thiết cho quyết định học cao học			0,789		
DT1	Chương trình đào tạo được thiết kế khoa học, trang bị các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng				0,839	
DT2	Chương trình đào tạo tích hợp các kỹ năng thực hành và thực tế phong phú				0,869	
DT3	Chương trình đào tạo tập trung phát triển năng lực sáng tạo của học viên				0,788	
NN1	Nâng cao triển vọng nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến nhiều hơn					0,826
NN2	Kỳ vọng cao hơn về thu nhập và môi trường làm việc tốt hơn					0,803
NN3	Xây dựng nhiều mối quan hệ hữu ích cho sự phát triển nghề nghiệp bản thân					0,772

Hệ số KMO = 0,800; Sig. = 0,00; Phương sai cộng dồn = 69,281%

(Nguồn: Kết quả phân tích từ 200 phiếu phỏng vấn sinh viên, 2022)

Kết quả phân tích EFA biến phụ thuộc

Bảng 4 cho thấy, kết quả phân tích EFA biến phụ thuộc với các kiểm định được đảm bảo như sau: $0,5 < KMO =$

$0,678 < 1,0$ nên phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế; $Sig. = 0,00 < 0,05$, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện nên việc phân tích nhân tố đã có ý nghĩa; Phương sai cộng dồn là $66,899\% > 50\%$,

đạt yêu cầu, có nghĩa là 66,899% thay đổi của nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát. Bên cạnh đó, có 1 Eigenvalue lớn hơn 1 nên 3 biến YD1, YD2, YD3

được gom thành một nhân tố duy nhất và được đặt tên là “Ý định học thạc sĩ QTKD” và các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 nên đạt yêu cầu.

Bảng 4. Kết quả phân tích EFA thang đo ý định học thạc sĩ QTKD

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố
YD1	0,834
YD2	0,845
YD3	0,772
Hệ số KMO = 0,678; Sig. = 0,00; Phương sai cộng dồn = 66,899%	

(Nguồn: Kết quả phân tích từ 200 phiếu phỏng vấn sinh viên, 2022)

Phân tích hồi quy bội

Từ kết quả phân tích EFA các biến độc lập và biến phụ thuộc, tác giả tiếp tục thực

hiện phân tích hồi quy bội để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành QTKD tại Trường Đại học Tây Đô.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy bội

Các biến độc lập	Hệ số Beta chuẩn hóa	Sig.	Hệ số VIF
(Hằng số)		1,000	
F1 - Thái độ đối với học cao học	0,213	0,000	1,000
F2 - Chuẩn mực chủ quan	0,343	0,000	1,000
F3 - Nhận thức về kiểm soát hành vi	0,182	0,000	1,000
F4 - Chương trình đào tạo	0,536	0,000	1,000
F5 - Cơ hội nghề nghiệp	0,329	0,000	1,000
R ² hiệu chỉnh: 0,581; Hệ số Durbin - Watson: 1,956; ANOVA: Sig. 0,000			

(Nguồn: Kết quả phân tích từ 200 phiếu phỏng vấn sinh viên, 2022)

Bảng 5 cho thấy, phân tích phương sai với Sig. < 0,05 cho biết mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế, nghĩa là các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc. Tất cả các biến F1, F2, F3, F4, F5 đều có Sig. < 0,05 nên tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc và độ tin cậy 95%. Hệ số Durbin - Watson là 1,956 thể hiện mô hình không vi phạm hiện tượng tự tương quan. Hệ số phóng

đại phương sai VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2,0 nên không có tình trạng đa cộng tuyến trong mô hình. Mô hình có R² hiệu chỉnh là 0,581 có nghĩa là 58,1% sự biến thiên của ý định học trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh được giải thích bởi các biến độc lập.

Bên cạnh đó, kết quả kiểm định các giả thuyết ở Bảng 6 ghi nhận, các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 đều được chấp nhận.

Điều này cho thấy cả 5 nhân tố: Thái độ đối với học cao học, Chuẩn mực chủ quan, Nhận thức về kiểm soát hành vi,

Chương trình đào tạo, Cơ hội nghề nghiệp đều có ảnh hưởng tích cực đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành QTKD.

Bảng 6. Kết quả kiểm định các giả thuyết

Quan hệ	Mức ý nghĩa (P)	Giả thuyết	Kết luận
YD <----- TD	0,000	H1	Chấp nhận
YD <----- CQ	0,000	H2	Chấp nhận
YD <----- HV	0,000	H3	Chấp nhận
YD <----- DT	0,000	H4	Chấp nhận
YD <----- NN	0,000	H5	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả phân tích từ 200 phiếu phỏng vấn sinh viên, 2022)

Như vậy, thông qua kiểm định mô hình hồi quy bội đã xác định được cả 5 biến độc lập đều có tương quan cùng chiều với ý định học trình độ thạc sĩ ngành QTKD và mức độ ảnh hưởng của từng biến theo thứ tự từ cao đến thấp là: Chương trình đào tạo ($\beta_4 = 0,536$), Chuẩn mực chủ quan ($\beta_2 = 0,343$), Cơ hội nghề nghiệp ($\beta_5 = 0,329$), Thái độ đối với học cao học ($\beta_1 = 0,213$), Nhận thức về kiểm soát hành vi ($\beta_3 = 0,182$).

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, cả 5 nhân tố đều có ảnh hưởng tích cực đến ý định học thạc sĩ QTKD và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố theo thứ tự: Chương trình đào tạo, Chuẩn mực chủ quan, Cơ hội nghề nghiệp, Thái độ đối với học cao học, Nhận thức về kiểm soát hành vi. Qua kết quả phân tích, một số hàm ý quản trị đề xuất cho Trường Đại học Tây Đô như sau:

Về chương trình đào tạo, đây là nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành QTKD của sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư. Theo đó, sinh viên đặc biệt quan tâm đến nội dung chương trình đào tạo, họ sẽ có được những kiến thức và kỹ năng gì sau quá trình đầu tư học tiếp lên cao học. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, đa phần sinh viên đều lựa chọn học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QTKD theo định hướng ứng dụng, chiếm 82,5%; trong khi đó tỷ lệ sinh viên lựa chọn chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu chỉ chiếm 17,5%. Vì vậy, trong chiến lược phát triển của nhà trường, cần thiết xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành QTKD theo cả hai hướng: Nghiên cứu và ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Theo đó, chương trình đào tạo phải được thiết kế khoa học, trang bị kiến thức chuyên sâu, nâng cao về quản trị kinh doanh; tích hợp các kỹ năng nghiên cứu, thực hành và thực tế phong

phú nhằm phát triển năng lực sáng tạo của học viên.

Về chuẩn mực chủ quan, có ảnh hưởng mạnh thứ hai đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành QTKD của sinh viên. Đây là nhân tố liên quan đến nhận thức của một người về những sức ép xã hội khiến người đó thực hiện hay không thực hiện các hành vi. Thực tế cho thấy, sinh viên cũng có xu hướng quan tâm đến sự ủng hộ của gia đình, bạn bè và Thầy/Cô đối với quyết định của họ. Do đó, hoạt động truyền thông của nhà trường không chỉ tác động đến sinh viên mà cần mở rộng đến gia đình, người thân và bạn bè của họ. Từ đó, các đối tượng này sẽ động viên, khuyến khích con, em, bạn bè học tiếp lên cao học.

Về cơ hội nghề nghiệp, việc tiếp tục học những bậc cao hơn giúp người học nâng cao kiến thức chuyên môn, đảm nhận được những công việc khó hơn và trở thành chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo. Do đó, họ có cơ hội phát triển nghề nghiệp, thăng tiến nhiều hơn, cũng như kỳ vọng cao hơn về thu nhập và môi trường làm việc tốt hơn. Vì vậy, bên cạnh xây dựng môi trường học tập tốt nhất, nhà trường cần đặc biệt quan tâm tìm kiếm, mở rộng liên kết với các doanh nghiệp để giới thiệu việc làm cho học viên. Nhà trường thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu việc làm của doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc đẩy mạnh kết nối với doanh nghiệp không chỉ giúp tạo mối quan hệ, hỗ trợ cho việc đào tạo, gắn với việc làm mà còn mang đến cơ hội giao lưu, trao đổi, chia sẻ thông tin, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong

việc đào tạo theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng, hoặc chuyển giao công nghệ và nghiên cứu khoa học.

Về thái độ đối với học cao học, Nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động truyền thông qua nhiều kênh như: Giảng viên, cố vấn học tập, cựu sinh viên đã chuyển tiếp học cao học tại trường, hoặc những chương trình định hướng nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường để họ nhận thấy được những lợi ích thiết thực của việc học tiếp lên và cho rằng đây là một sự đầu tư đúng đắn cho tương lai. Từ đó, dần hình thành nơi sinh viên thái độ tích cực là tiếp tục học cao học.

Về nhận thức kiểm soát hành vi, Nhà trường cần chú trọng cung cấp đầy đủ những thông tin liên quan đến tuyển sinh cao học và chương trình đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học trong quá trình đăng ký dự tuyển và theo học sau đó. Theo đó, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Sau đại học, Phòng Đào tạo, Phòng Tuyển sinh và Truyền thông phối hợp chặt chẽ cung cấp, tư vấn chi tiết thông tin học cao học để thúc đẩy sinh viên quyết tâm tiếp tục học lên tại Trường Đại học Tây Đô sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh những đóng góp thiết thực thông qua kết quả nghiên cứu, bài viết vẫn còn hạn chế nhất định về đối tượng khảo sát. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và nguồn lực có hạn, bài viết này chỉ thực hiện khảo sát sinh viên đang học năm thứ ba và năm thứ tư tại Trường Đại học Tây Đô. Do đó, nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng khảo sát sinh viên đang học năm thứ ba và năm thứ tư tại các cơ sở đào tạo khác và những

người đang làm việc tại các cơ quan, ban, ngành, doanh nghiệp; từ đó đề xuất các hàm ý quản trị có tính bao quát hơn nhằm thu hút đa dạng các nhóm đối tượng lựa chọn học trình độ thạc sĩ ngành QTKD tại Trường Đại học Tây Đô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. and Fishbein, M., 1975. Belief, attitude, intention and behaviour: An introduction to theory and research. Boston: Addison - Wesley.

2. Ajzen, I., 1991. The theory of planned behaviour: Organizational behavior and human decision process. Science Direct, 50(2), 179 - 211.

3. Chong, C., Lin, L., Chuen, L., Chai, T. and Yi, Y., 2014. A study on factors influencing students' intention to pursue higher education. Malaysia: Tunku Abdul Rahman universit.

4. Diễm, Đoàn L., Phúc, N. P. H., Ngọc, P. V. B., & Dung, H. Đặng M., 2021. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học cao học chuyên ngành Quản trị du lịch của sinh viên khoa Du lịch trường

Đại học Tài chính – Marketing. Tạp Chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing, 62(2), 107-126.

<https://doi.org/10.52932/jfm.vi62.149>.

5. Hair, Jr.J.F., Black, W.C, Babin, B.J. and Anderson, R.E., 2014. Multivariate data analysis, Seventh Edition. London: Pearson Education Limited.

6. Hồ Trúc Vi và Phan Trọng Nhân, 2018. Các nhân tố tác động đến ý định thực hiện hành vi theo học cao học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt, 8(1S), 20-33.

7. Phạm Xuân Giang và Nguyễn Thị Phương Thảo, 2019. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên ngành kinh tế tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 41, 85-98.

8. Tabachnick, B.G. and Fidell, L.S., 2007. Using multivariate statistics, Sixth Edition. London: Pearson Education Limited.

FACTORS AFFECTING INTENTION TO STUDY MASTER PROGRAM OF BUSINESS ADMINISTRATION AT TAY DO UNIVERSITY

Nguyen Huynh Phuoc Thien* and Le Thi Nha Ca

Tay Do University

(*Email: nhpthien@tdu.edu.vn)

ABSTRACT

This study aimed at identifying factors affecting the intention to study Master program of Business Administration of students at Tay Do University. Research data was collected through interviews with 200 of third and fourth-year students at Tay Do University through questionnaires. Exploratory factor analysis and multiple regression were used. The study results showed that five factors affecting the intention to continue studying Master program of Business Administration of students at Tay Do University included training program, subjective norms, career opportunities, attitudes toward graduate studies and perceived behavioral control. Specifically, the most influential factor was training program. Based on the results of the study, some managerial implications were addressed for Tay Do University to attract more students to the graduate program after their graduation.

Keywords: *Business Administration, intention, master program, students*